

Bản án số: 59/2018/HSST
Ngày 19 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phú Nhuận.

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/Võ Văn Q; sinh năm: 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: không; trú tại: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: /(không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn T và bà: Nguyễn Thị L; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/9/2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 21/6/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 04/11/2016 bị Công an Phường 12, Quận 10 lập hồ sơ chuyển Công an Phường 3, Quận 3 về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng chưa ban hành hình thức xử lý; bị bắt giữ ngày: 20/10/2017, tạm giữ ngày: 21/10/2017, bị tạm giam ngày: 24/10/2017.

2/Nguyễn Hữu T; sinh năm: 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: đường K, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Nguyễn Văn P và bà: Nguyễn Thị L; có vợ: Nguyễn Thị Thùy D và 01 con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/8/2011 bị Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 06 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 29/5/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị bắt giữ ngày: 31/12/2017, bị tạm giam ngày: 04/01/2018 (tại Nhà tạm giữ Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Các bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Vũ T – Sinh năm: 1958 (vắng mặt).

Thường trú: đường L, phường L, Quận B, TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Nguyễn Văn P – Sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Thường trú: đường T, phường J, quận P, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 20/10/2017, Nguyễn Hữu T rủ Võ Văn Q đi cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài, Q đồng ý; T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển số 59U1-006.60 chở Q đi trên đường tìm tài sản; khi đến trước nhà số 63 đường Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì T nhìn thấy anh Vũ T đứng trên lề đường, đang sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus; T liền điều khiển xe mô tô chạy áp sát anh Vũ T, để Q ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại của anh Vũ T, T tăng ga xe chở Q chạy thoát; ngay lúc này, lực lượng trinh sát Công an Quận 10 phát hiện, bắt giữ được Q cùng vật chứng giải giao đến Công an Phường 1, Quận 10; Công an Phường 1, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Riêng Nguyễn Hữu T điều khiển xe chạy thoát; đến ngày 31/12/2017 cùng đồng phạm khác thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” trên địa bàn Quận 5 và bị bắt giữ; ngày 16/7/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án tại Quận 10 là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu xám; đã được thu hồi và giao trả cho bị hại là anh Vũ T; nhận lại tài sản, anh Vũ T không có yêu cầu gì khác.

Căn cứ vào thông tin cung cấp của Võ Văn Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Võ Văn Q, Nguyễn Hữu T về hành vi “Cướp giật tài sản” như đã nêu trên.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 59U1-006.60, qua xác minh chiếc xe trên do ông Nguyễn Văn P (là cha của Nguyễn Hữu T) là chủ sở hữu hợp pháp; ngày

20/10/2017, T mượn xe của ông P làm phương tiện đi lại và phạm tội, ông P không biết; sau đó, T cho đối tượng tên N (không rõ lai lịch địa chỉ) mượn chiếc xe trên không thu hồi được nên không xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Võ Văn Q, Nguyễn Hữu T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Võ Văn Q, Nguyễn Hữu T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại; sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại); đã đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo Võ Văn Q, Nguyễn Hữu T: từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: không có gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản nhận dạng, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Võ Văn Q, Nguyễn Hữu T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Các bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); xét thấy tội danh “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có những quy định có lợi đối với các bị cáo so với quy định Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và hành vi của các bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018; do vậy các bị cáo bị xét xử tương ứng theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, cung cấp phương tiện chở đồng bọn chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát, còn bị cáo Q là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; ngoài ra bản thân các bị cáo có đặc điểm nhân thân không tốt, cụ thể: đối với bị cáo Q: ngày 18/9/2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 21/6/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 04/11/2016 bị Công an Phường 12 Quận 10 lập hồ sơ chuyển Công an Phường 3, Quận 3 về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng chưa ban hành hình thức xử lý; đối với bị cáo T: ngày 06/8/2011 bị Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 06 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma

túy”, ngày 29/5/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; mặc dù tất cả đã được xóa tiền án, tiền sự, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm pháp. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo Q tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, h, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) tương ứng giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do không còn án tích.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về vấn đề tổng hợp hình phạt:

Đối với bản án số 55/2018/HSST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, nhưng bản án trên chưa phát sinh hiệu lực pháp luật, nên không tổng hợp hình phạt trong bản án xét xử hành vi phạm tội tại Quận 10 mà sẽ được tổng hợp hình phạt trong giai đoạn thi hành án khi các bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Võ Văn Q, Nguyễn Hữu T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, h, t khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Văn Q;

Xử phạt bị cáo Võ Văn Q 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo Q.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hữu T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo T.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo Q chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.
- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Triệu Luật